

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày 26-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vực; ông Phan Xuân Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HS ngày 12/6/2019, đối với bị cáo:

Lê Thành Đ, sinh ngày 27/9/1998 tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1951 và bà Phan Thị L, sinh năm 1955; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên toà).*

- Bị hại: Anh Lê Thành S, sinh năm 1982 và chị Lâm Thị P, sinh năm 1990. Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã Ea, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1951. Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết 2, xã Ea Tĩh, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

+ Anh Chu Bá N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn Ea, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 02/8/2018, Lê Thành Đ đi về nhà ở thôn Đ, xã E, huyện E thì thấy xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20 của anh Lê Thành S, trú tại: Thôn B, xã E, huyện E là anh trai của Đ đang để ở phòng khách nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh S. Lúc này mẹ Đ đang ở sau nhà, bố Đ đang ngủ, Đ tìm chìa khoá, sau khi tìm thấy chìa khoá, Đ mở khoá xe mô tô rồi lén lút đưa ra ngoài cổng nổ máy điều khiển xe mô tô đến tiệm internet chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô đến cầm cố cho anh Chu Bá N, địa chỉ: Thôn C, thị trấn E, huyện E số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này Đ trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

- Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/2018/KL-HĐ992 ngày 23/11/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 992 của Ủy ban nhân dân huyện EaKar kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI có giá trị 17.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố bị cáo Lê Thành Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/8/2018, sau khi đi chơi về, thấy xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI của anh Lê Thành S đang để ở phòng khách không có người trông coi. Bị cáo đã tìm chìa khoá, mở khoá xe dắt ra ngoài cổng nổ máy rồi điều khiển xe mô tô đi chơi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì mang xe mô tô cầm cố cho anh Chu Bá N lấy số tiền 5.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo: Lê Thành Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù

- Áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI.

* Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không bị khiếu nại, tố cáo về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, những người tham gia tố tụng khác. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 02/8/2018, tại nhà ông Lê Văn T, địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Lê Thành Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI có giá trị là 17.000.000 đồng của gia đình anh Lê Thành S, trú tại: Thôn B, xã Ea, huyện E. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo phải biết quyền sở hữu tài sản hợp pháp là đối tượng được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị.

[4] Tuy nhiên bản thân bị cáo có thân nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã trả lại cho người bị hại. Tại phiên tòa bị cáo đã

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. HĐXX cần áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI là tài sản hợp pháp của anh Lê Thành S. HĐXX chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản trên cho anh S.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác nên không đặt ra để giải quyết.

- Đối với anh Chu Bá N là người nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20 do bị cáo Đ mang đến cầm cố nhưng anh N không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với anh N.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo: Lê Thành Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện EaKar đã trả lại cho anh Lê Thành S 01 xe mô tô biển kiểm soát 47F1-271.20, nhãn hiệu Yamaha, màu trắng, xanh, loại Jupiter FI.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản chi phí nào khác nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thành Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Quản lý lý lịch – Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- CQĐT Công an huyện EaKar;
- CQTHAHS Công an huyện EaKar;
- Nhà tạm giữ Công an huyện EaKar;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện EaKar;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh